

Bản án số: 606/2023/HS-PT

Ngày: 15 - 12 - 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Tấn Long

*Các Thẩm phán:* ông Phạm Việt Cường

ông Nguyễn Văn Tào

**- Thư ký phiên tòa:** bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại Điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với Đ cầu thành phần tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 538/2023/HS-PT ngày 27 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Trần Đình N cùng 03 bị cáo khác về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2023/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**- Các bị cáo có kháng cáo:**

**1.** Trần Đình N; sinh ngày 19/8/1995, tại tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: xóm Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình P và bà Phan Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G; có mặt.

**2.** Mai Hữu T; sinh ngày 30/10/1979, tại Cà mau.

Nơi cư trú: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; (nơi đã cư trú: 267/11/6/16 L, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Hữu T1 và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Phan Thị K, có 01 con chung với vợ sinh năm 2008 và 01 con riêng của vợ sinh năm 2003; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 10/02/2023

và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G; có mặt.

**3. Nguyễn Văn P1;** sinh ngày 01/01/1985, tại Campuchia.

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị Đ1; có vợ là Nguyễn Thị H1 (đã ly hôn), có 02 con sinh năm 2004 và sinh năm 2008; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G; có mặt.

**4. Võ Hoàng V;** sinh ngày 01/01/1979, tại tỉnh Đồng Tháp.

Nơi cư trú: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn S và bà Hồ Thị S1; có vợ là Nguyễn Thị Q, có 01 con sinh năm 2003; tiền án: không, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G; có mặt.

*Ngoài ra, vụ án còn có 01 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] *Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào năm 2020, Trần Đình N và Nguyễn Văn N1 quen biết với nhau do cùng đi cách ly y tế tại Doanh trại Quân đội tại Nghệ An, đến khoảng tháng 02/2022, N xuất cảnh sang Thái Lan và quen biết Siu Cheo, sau đó về nước. Đến khoảng tháng 06/2022, N tiếp tục xuất cảnh sang Thái Lan qua cửa khẩu C1 - Thái Lan và quen biết với một người Campuchia tên “Boi”. Sau khi quen biết với nhau, Trần Đình N, Siu C và Nguyễn Văn N1 đã tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài và ở lại nước ngoài trái phép như sau:

**I. Về hành vi phạm tội tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài của Trần Đình N, (Nguyễn Văn N1 và Siu C):**

Từ tháng 7/2022 đến tháng 01/2023 các bị can đã tổ chức 09 đợt/32 người trốn đi nước ngoài. Cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 28/7/2022, N1 và N tổ chức cho 02 người dân tộc thiểu số ở Gia Lai vượt biên sang Campuchia rồi qua Thái Lan. N1 gửi cho N số điện thoại của người đi (đến nay N không còn nhớ) và 02 số điện thoại 0367936094; 0982625973 của người đón tại Hồng Ngự, Đồng Tháp để N liên lạc đón và đưa người vượt biên sang Campuchia bằng đường tiểu ngạch. N liên lạc với Mai Hữu T đón 02 người này tại bến xe miền T và mua vé xe khách, T đi cùng cho 02 người này đến thành phố H, tỉnh Đồng Tháp để giao cho người đón, dẫn qua biên giới Campuchia bằng đường tiểu ngạch rồi đưa sang Campuchia cho “Boi” nhận và dẫn sang Thái Lan giao cho N. Sau khi đưa được 02 người này sang

Thái Lan, N1 chuyển cho N 10.000.000 đồng, trong đó chi phí dẫn đường là 6.000.000 đồng, N hưởng lợi 4.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 22/8/2022, Nam cùng Ngọc tổ chức đưa 04 người trong gia đình gồm: Siu Huin (*sinh năm 1983*), Siu T2 (*sinh ngày 26/12/2016*), Siu D (*sinh ngày 27/10/2008*), Siu T3 (*inh ngày 08/5/2006*) trốn sang Thái Lan bằng đường tiểu ngạch. Sau khi tổ chức cho 04 người này đến Thái Lan, N1 chuyển khoản cho N 16.000.000 đồng, trong đó chi phí dẫn đường là 10.000.000 đồng, N hưởng lợi 6.000.000 đồng. Sau khi sang được Thái Lan đến ngày 31/10/2022, 04 mẹ con Siu Hui về Việt Nam.

Lần 3: Vào ngày 28/8/2022, N1 và N tổ chức cho hai vợ chồng Rah Lan D1 và Siu H2 trú tại làng T, thị trấn C, C, Gia Lai trốn sang Thái Lan bằng đường tiểu ngạch với số tiền là 46.000.000 đồng. Sau đó, N liên lạc để Mai Hữu T đón và mua vé xe khách đi từ bến xe M đến huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp để người của N1 đón dẫn qua Campuchia. N liên hệ với “Boi” đón và dẫn 02 người này sang Thái Lan. Sau khi tổ chức thành công, N1 chuyển cho N 10.500.000 đồng, trong đó chi phí dẫn đường là 6.500.000 đồng, còn lại N hưởng lợi 4.000.000 đồng.

Lần 4: Vào ngày 02/10/2022, Nam cùng N tổ chức đưa 01 người đàn ông (*không rõ họ tên, địa chỉ; sử dụng số điện thoại 0835290514*) và 02 vợ chồng cùng 01 trẻ em 05 tuổi (*số điện thoại liên hệ là 0394141670*) trốn sang Thái Lan. N liên lạc để Mai Hữu Trung đón những người này và mua vé xe đi từ bến xe M đến huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp để người của N1 đón dẫn qua biên giới sang Campuchia bằng đường tiểu ngạch. Sau đó, N liên hệ với “Boi” đưa 04 người này sang Thái Lan. Sau khi tổ chức thành công đến ngày 03/10/2022 Nam chuyển khoản cho N chi phí trả cho “Boi” là 15.000 Bath (khoảng 9.000.000 đồng), tiền công của N là 6.000.000 đồng.

Lần 5: Vào ngày 22/11/2022, N1 và N tổ chức đưa 02 mẹ con là R H’Liu và Rmah Thap, cùng trú tại thôn B, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai trốn sang Thái Lan. N liên lạc với Mai Hữu Trung đón 02 người này và mua vé xe khách cho họ đi từ bến xe M đến huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp để người của N1 đón, dẫn sang Campuchia bằng đường tiểu ngạch và đưa đến thành phố P, Campuchia. Sau đó, N liên hệ với “Boi” đón 02 người này sang Thái Lan. Sau khi tổ chức thành công N1 chuyển cho N 5.000.000 đồng, trong đó tiền của “Boi” là 3.000.000 đồng, N hưởng lợi 2.000.000 đồng.

Lần 6: Vào ngày 31/12/2022, Nam và Ngọc tổ chức cho 01 người lớn và 02 trẻ em ở tỉnh Gia Lai trốn sang Thái Lan bằng đường tiểu ngạch. N liên lạc với Mai Hữu T đón 03 người này và mua vé xe khách cho họ đi từ bến xe M đến huyện H, tỉnh Đồng Tháp, rồi sang Campuchia bằng đường tiểu ngạch. Sau đó N liên hệ với “Boi” đón 03 người này sang Thái Lan. Sau khi tổ chức cho 03 người này đến T. N1 trả cho N 10.000.000 đồng, trong đó chi phí dẫn đường là 6.000.000 đồng, N hưởng lợi 4.000.000 đồng.

Lần 7: Vào ngày 04/01/2023, N1 và N tổ chức cho S2 và 03 trẻ em trốn sang Thái Lan. N báo Đ2 đón và mua vé xe khách cho họ đi từ bến xe M đến Hồ

N, tỉnh Đồng Tháp rồi người của N1 đón qua Campuchia bằng đường tiểu ngạch. Sau đó, N liên hệ với “Boi” đưa 04 người này sang Thái Lan. Sau khi tổ chức cho 04 người sang Thái Lan thành công, đến ngày 09/02/2023, N1 chuyển khoản cho N 13.000.000 đồng, trong đó chi phí dẫn đường là 8.000.000 đồng, N hưởng lợi 5.000.000 đồng.

Lần 8: Vào ngày 05/02/2023, Siu C và N tổ chức đưa Ksor Non và Ksor H3 đi sang Campuchia rồi qua Thái Lan. N liên lạc với Mai Hữu Trung đón, dẫn 02 người này đi mua vé xe khách đi từ bến xe M đến thành phố H, tỉnh Đồng Tháp và đưa cho mỗi người 50.000 đồng tiền ăn để 02 người này xuống thành phố H sẽ có người đón, dẫn sang Campuchia bằng đường tiểu ngạch.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi Ksor N2 và Ksor H4 đến điểm hẹn thì Nguyễn Văn P1 và Võ Hoàng Vũ đi; Pháp chở Ksor N2 chạy trước theo hướng khu vực biên giới “Bom Điện Cỏ Cát” (thuộc ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp) rồi dẫn Ksor N2 xuống xuống giao cho một người tên “Hai” đưa sang Campuchia và quay về nhà, còn V chở Ksor H4 đi sau đến điểm hẹn nhưng không thấy P1 nên chở Ksor H4 về quay về phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp thì bị lực lượng an ninh tỉnh Gia Lai phát hiện và bắt giữ.

Đến ngày 06/02/2023, Siu C sử dụng tài khoản ngân hàng số 1016561180, tên chủ tài khoản là Siu H5, chuyển số tiền 35.000.000 đồng cho N qua số tài khoản 99997888899999, trong đó 2.000.000 đồng là tiền công dẫn đường cho Ksor N2; 33.000.000 đồng là tiền chi phí N nhận làm thẻ Bạc cho 05 người dân tộc thiểu số ở Thái Lan.

Ngoài việc tổ chức cho Ksor H4 và Ksor N2 thì từ cuối tháng 01 đến đầu tháng 02 năm 2023, đối tượng “Hai” còn liên lạc với P1 chở 15 người dân đi từ thành phố H, tỉnh Đồng Tháp đến khu vực “Bom Điện Cỏ Cát” (thuộc ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp) giao người cho “Hai” với giá tiền công là 100.000 đồng/người, sau đó P1 gọi thêm Võ Hoàng V, Bùi Văn N3 và Nguyễn Hoàng N4 (đều hành nghề xe ôm) chở 15 người giao cho “Hai” với số tiền 100.000 đồng/người. Tuy nhiên quá trình điều tra Cơ quan An ninh điều tra không xác định được những người mà Nguyễn Văn P1, Võ Hoàng V, Bùi Văn N3 và Nguyễn Hoàng N4 chở là ai.

Lần 9: Vào ngày 10/02/2023, Siu C cùng N tổ chức đưa Siu P2 và 03 người dân tộc thiểu số đi qua Campuchia rồi sang Thái Lan. N liên lạc để Mai Hữu T đến bến xe A đón và mua vé xe cho những người này, tuy nhiên do hết vé đi về thành phố H, tỉnh Đồng Tháp nên N liên lạc với Siu P3 đón xe buýt số 151 đi về bến xe M, đồng thời N liên hệ với T đến bến xe miền T đón, mua vé xe khách, đưa tiền ăn để những người này đi đến thành phố H. Khi gia đình Siu P3 đến bến xe M thì lực lượng an ninh tỉnh Gia Lai phát hiện 09 người dân tộc thiểu số (04 người gia đình Siu P3; 04 người gia đình Siu P4 và 01 người con của R H’Thai, cùng trú tại thôn K, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai). Biết việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài bị phát hiện nên Mai Hữu T đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh G để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Đến ngày 11/02/2023, khi Trần Đình N di chuyển trên chuyến bay từ thành phố V vào thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan An ninh điều tra đã phối hợp với Cục Q1, Bộ C2 bắt tại sân bay T.

Ngoài ra, vào ngày 25/7/2022, N4 gửi qua “Messenger” cho N ảnh Căn cước công dân của Rmah P5 và Kpã B và ảnh 01 tờ trong sổ hộ khẩu tên Kpã T4. Tuy nhiên, ngày hôm sau, N4 không liên lạc được với 03 người này nên N4 và N không tổ chức cho họ đi nữa. Đến ngày 30/12/2022, Nam gửi qua “Messenger” cho N hình ảnh của 02 trẻ em trú tại tỉnh Gia Lai muốn trốn sang Thái Lan bằng đường tiểu ngạch nhưng không có cha mẹ đi cùng, do tổ chức cho trẻ em nên “Boi” báo giá là 25.000 Bath (khoảng 15.000.000 đồng), vì giá cao nên N4 và N không tổ chức cho 02 trẻ em này trốn ra nước ngoài.

Mặt khác trong thời gian từ tháng 4 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023 khi Chính phủ Thái Lan có chủ trương làm thẻ Bạc (thẻ lao động cho người nước ngoài ở tại Thái Lan, có thời hạn 02 năm) thì Trần Đình N và Siu C còn 08 lần làm thẻ bạc cho 74 người dân tộc thiểu số (tuy nhiên không xác định được nhân thân của những người dân tộc thiểu số này) hưởng lợi 144.300.000 đồng và Siu C còn 02 lần nhờ N đặt mua vé máy bay khứ hồi cho 07 người dân tộc thiểu số đi từ Việt Nam sang Thái Lan du lịch.

## **II. Về hành vi phạm tội tổ chức cho người khác ở lại nước ngoài trái phép của Siu H5 và S:**

Từ đầu tháng 8/2022 đến ngày 12/02/2023, Siu C và Siu H5 tổ chức 03 đợt/06 người dân tộc thiểu số đến Sân bay Quốc tế T làm thủ tục xuất cảnh và trốn ở lại Thái Lan.

Ngoài ra vào ngày 17/12/2022, Siu C liên lạc với Siu H5 để dẫn 04 người ở tỉnh Gia Lai đến sân bay T làm thủ tục xuất cảnh đi Thái Lan. Tuy nhiên, do Siu H5 bận việc nên không đồng ý, còn Siu C nhờ ai thì Siu H5 không biết.

Cũng trong thời gian trên, Siu Cheo nhờ Siu H' Bèo nhận 06 hộ chiếu của các trường hợp mà Siu C dự định sẽ tổ chức cho họ xuất cảnh sang Thái Lan, sau đó trốn ở lại, gồm Kpuih H6 (*sinh năm 1966*), Kpuih R1 (*sinh năm 1990*), Kpuih J (*sinh năm 1983*), Rah Lan L1 (*sinh năm 1960*), Kpuih G (*sinh năm 1958*), cùng trú tại: Làng T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, Kpã B1 (*sinh năm 1959; trú tại: thôn T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai*). Tuy nhiên do vào đầu tháng 02/2023, Siu H5 xuất cảnh đi Thái Lan nên đã nhờ bạn ở cùng dãy trọ là Ksor H7 (*sinh năm 1998; trú tại Buôn P, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai*) nhận giúp 06 hộ chiếu này. Đến ngày 08/02/2023, Siu H' Bèo nhập cảnh về Việt Nam và nhận được 06 hộ chiếu và chụp hình 06 Hộ chiếu gửi qua Messenger cho Siu Cheo biết.

Mặt khác vào tối ngày 09/02/2023, Siu C liên lạc nhờ Siu H5 đặt 02 phòng khách sạn để 02 gia đình của Siu P3 và gia đình của Siu P4 đến ở. Tuy nhiên sau đó Siu C cho biết đã thuê được nhà nghỉ ở tỉnh Bình Dương nên Siu H5 không thuê khách sạn nữa. Vì vậy Siu H5 không thực hiện hành vi giúp sức cho Siu C và Trần Đình N tổ chức cho những người trên trốn sang Thái Lan vào

ngày 10/02/2023, sau đó 09 người trong 02 gia đình này được lực lượng An ninh đưa về Gia Lai.

[2] *Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2023/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:*

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Đình N, Mai Hữu T, Nguyễn Văn P1 và Võ Hoàng V phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”;

Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Trần Đình N 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/02/2023

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Mai Hữu T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/02/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P1 15 (*mười lăm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/02/2023

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng V 12 (*mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/02/2023

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo khác, biện pháp tư pháp, phần xử lý vật chứng, án phí theo quy định pháp luật.

[3] *Kháng cáo:*

Ngày 18-9-2023 bị cáo Võ Hoàng V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19-9-2023 bị cáo Mai Hữu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20-9-2023 bị cáo Nguyễn Văn P1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21-9-2023 bị cáo Trần Đình N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[4] *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Các Bị cáo T, Pháp, V giữ nguyên kháng cáo, thống nhất về tội danh, không tranh luận, trình bày do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đi làm thuê, chỉ thực hiện hành vi chở xe thô thuê lấy tiền công nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ về hình phạt.

Bị cáo Ngọc giữ nguyên kháng cáo, bị cáo cũng chỉ thực hiện một khâu trong hành vi phạm tội và được hưởng tiền công; cung cấp một số tài liệu chứng cứ mới và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung: đối với các kháng cáo của bị cáo Mai Hữu T, Nguyễn Văn P1, Võ

Hoàng V do không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo; đối với kháng cáo của bị cáo Trần Đình N do có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo N, nhưng hình phạt của bị cáo vẫn phải cao hơn các bị cáo khác trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: các hoạt động của các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023 Nguyễn Văn N1, S, Trần Đình N, Mai Hữu Trung liên l, tổ chức thành nhiều đợt, cho nhiều người dân tộc thiểu số ở địa bàn Gia Lai trốn qua Campuchia và sang Thái Lan bằng đường tiểu ngạch để thu lợi.

Trần Đình N đã liên hệ với Nguyễn Văn N1 và Siu C tổ chức 09 đợt với 32 người trốn ra nước ngoài thu lợi bất chính 33.000.000 đồng; Trong đó: Mai Hữu T giúp sức trong việc đón và đưa 07 đợt với 18 người từ bến xe M - Thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố H, tỉnh Đồng Tháp để người của N1 và C đưa qua Campuchia bằng đường tiểu ngạch.

Nguyễn Văn P1, Võ Hoàng V, có hành vi giúp sức cho N1, Siu C, N chở Ksor N2 và Ksor H4 từ bến xe khách thành phố H đưa đến khu vực “Bơm Điện Cả Cát” giao cho người đàn ông tên H8 để H8 lái đò đưa người trái phép qua sông sang Campuchia.

Ngoài ra, Siu C còn làm hộ chiếu online cho những người dân tộc thiểu số và liên lạc với em gái mình là Siu H5 giúp sức đưa 06 người chia làm 03 đợt để những người này xuất cảnh sang Thái Lan bằng đường hàng không và trốn ở lại Thái Lan làm ăn, sinh sống trái phép.

Do đó, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định các bị cáo Trần Đình N, Mai Hữu T phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” với tình tiết định khung “*Đối với 11 người trở lên*” theo điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn P1, Võ Hoàng V phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, pháp luật.

Các đối tượng Nguyễn Văn N1, Siu C là chủ mưu trong vụ án hiện chưa bắt được, nên đã được tách riêng xử lý sau.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo N, T là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo P1 và V là nghiêm trọng. Các bị cáo đều nhận thức được việc lén lút đưa

người khác xuất, nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ thu lợi bất chính nên thực hiện, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội.

Trong vụ án này các đối tượng chủ mưu, tổ chức là Nguyễn Văn N1 và Siu C chưa bắt được. Các bị cáo bị xét xử trong vụ án này đều là người giúp sức với vai trò thực hành và được Nam tính trả tiền công và chi phí đi lại. Trong đó bị cáo N phạm tội với vai trò là người thực hành tích cực, bị cáo T là người giúp sức, bị cáo P1 và V 01 lần tổ chức cho bị cáo N nên tính chất, mức độ hành vi phạm tội mỗi bị cáo có mức độ khác nhau.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo T đầu thú và đã thực hiện xong nghĩa vụ quân sự, gia đình có cha mẹ được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huy chương kháng chiến và huân chương chiến sỹ giải phóng nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn P1, Võ Hoàng V không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Mai Hữu T, Trần Đình N bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều đã được Bản án sơ thẩm xem xét, đánh giá đúng vai trò đồng phạm, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đều quyết định hình phạt trong khung hình phạt truy tố, xét xử là đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Đình N cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới như cứu một cháu bé đang bị nước lũ cuốn trôi, ủng hộ lương thực thực phẩm khu cách ly dịch bệnh có xác nhận của Chính quyền địa phương, và nộp đủ số tiền khắc phục hậu quả 33.000.000 đồng; do đó xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Các bị cáo Mai Hữu T, Nguyễn Văn P1, Võ Hoàng V đều đã được quyết định mức hình phạt phù hợp và tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

[4] Những quyết định còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Đối với số tiền 33.000.000 đồng và 200.000 đồng mà bị cáo N nộp theo Biên lai thu số 0001168 và 0001169 cùng ngày 19-9-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia lai được thanh toán khấu trừ khi thi hành án.

[5] Về án phí: các bị cáo Mai Hữu T, Nguyễn Văn P1, Võ Hoàng V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng. Bị cáo Trần Đình N không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Hữu T, Nguyễn Văn P1, Võ Hoàng V; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình N, sửa một phần của Bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Trần Đình N.

## 2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Trần Đình N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/02/2023.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Mai Hữu T 07 (bảy) năm tù về “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/02/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P1 15 (mười lăm) tháng tù về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/02/2023.

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng V 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/02/2023.

3. Các quyết định còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị, việc thi hành án theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm Bị cáo Mai Hữu T, Nguyễn Văn P1, Võ Hoàng V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng. Bị cáo Trần Đình N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CATỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam công an tỉnh Gia Lai;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Tấn Long**